

# Khi vay nợ nước ngoài không được quản lý

**Võ Tá Hân**

Singapore

**B**a bài báo trước đã bàn về những cơn sốt nhà đất và cổ phiếu, cũng như về những điểm yếu của guồng máy ngân hàng trong cuộc khủng hoảng tài chính châu Á. Hiểu được những tác động của ba yếu tố chính này, ta sẽ có được phần nào giải đáp cho những sự kiện kinh tế đã và đang xảy ra trong khu vực. Vậy thì cái gì đã là ngòi nổ làm sụp đổ các trụ cột của tòa nhà kinh tế ấy trong một thời gian ngắn ngủi như thế? Câu trả lời tùy thuộc vào hoàn cảnh mỗi nước và bài viết này nhìn về những diễn biến ở Indonesia.

## Không có thống kê về nợ nước ngoài

Khi đồng baht được thả nổi ở Thái Lan vào tháng 7-1997 thì Indonesia vẫn "bình chân như vại" và tình hình hầu như không có một dấu hiệu gì đáng quan tâm cả. Ai cũng cho rằng sự sụp đổ của đồng baht là chuyện riêng của Thái Lan và không thể nào xảy ra ở Indonesia được.

Tuy nhiên, ngay sau đó đồng rupiah bắt đầu trượt giá và guồng máy kinh tế Indonesia dần dần sa lầy trầm trọng cho đến nỗi ngày 12-1-1998, chính Thủ tướng Singapore Goh Chok Tong, đã phải tuyên bố rằng cuộc khủng hoảng kinh tế tại Indonesia là mối đe dọa lớn nhất cho ASEAN kể từ đệ nhị thế chiến. Điều gì đã đánh gục nền kinh tế của Indonesia một cách đột ngột như vậy?

Khi đồng rupiah vừa bắt đầu trượt giá, Chính phủ Indonesia đã cố tìm nguyên nhân hầu kịp thời cứu chữa nhưng có thể nói rằng ban đầu, không ai rõ căn nguyên xuất phát từ đâu. Có lẽ một trong những dấu hiệu quan trọng được phát hiện vào khoảng tháng 7 và tháng 8-97 các thị trường tiền tệ trong vùng là việc bán rất nhiều công ty tư nhân bắt đầu mua đô-la Mỹ để trả nợ trước cuối năm. Nhu cầu mua đô-la Mỹ không những chỉ từ các công ty Indonesia mà cũng từ Thái Lan, Malaysia và Hàn Quốc.

Nhiều người bắt đầu cho rằng tương tự như ở Thái Lan và Hàn Quốc, các công ty tư nhân của Indonesia có thể đã vay nợ nước ngoài quá nhiều và phần lớn các số nợ này đều là nợ ngắn hạn



*Không kiểm soát chặt nguồn vay nước ngoài để phát triển sản xuất kinh doanh của các công ty tư nhân là "thủ phạm" của tình trạng khủng hoảng dây chuyền ở Indonesia.*

nên chính sự cạnh tranh đồng loạt để mua đô-la Mỹ đã làm đồng rupiah mất giá. Tuy nhiên, điều này không được kiểm chứng ngay chỉ vì một lý do rất đơn giản là Chính phủ Indonesia... không có sẵn các thống kê về tổng số nợ nước ngoài!

Mãi đến ngày 18-11-1997, Bộ trưởng Tài chính của Indonesia, ông Mar'ie Muhammad lần đầu tiên mới tiết lộ về những con số này. Ông cho biết tổng số nợ nước ngoài của Indonesia vào cuối tháng 9-1997 là 117 tỉ USD, trong đó số nợ của chính phủ đã bớt đi còn 52 tỉ USD nhưng số nợ của công ty tư nhân đã lên đến 65 tỉ USD. Đồng thời ông lên án các công ty tư nhân là đã tranh nhau mua đô-la Mỹ để trả nợ khiến đồng rupiah trượt giá. Tuy ông không cho biết lịch trình trả nợ nhưng qua một tài liệu sau đó của Ngân hàng Thanh toán quốc tế (Bank of International Settlement) thì trong số 65 tỉ USD nợ của công ty tư nhân có tới 34,2 tỉ USD là nợ ngắn hạn, phải trả trong vòng 18 tháng, và gồm có 20 tỉ USD phải trả trong vòng từ tháng 7-1997 đến tháng 5-1998. Như vậy thì đây chính là thủ phạm và cái "hỏa diệm sơn" này đã bùng nổ để đưa đến những sụp đổ dây chuyền khác.

Tại sao Chính phủ Indonesia lại có thể để cho tình trạng tư nhân vay nợ trở

nên tệ hại đến như vậy? Nói chung tất cả đều bắt nguồn từ những năm đầu của thập niên 1980 khi Chính phủ Indonesia thay đổi chính sách và khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân nắm vai trò chủ động trong guồng máy kinh tế quốc gia. Điều này đã đưa đến những kết quả ngoài dự tính và mức thu nhập của Indonesia đã dần dần vượt quá 1.000 USD. Nức lòng với những thành quả rực rỡ này, đến tháng 10-1988, chính phủ quyết định thả lỏng khu vực ngân hàng. Chỉ trong vòng hai năm sau đó, hơn 40 ngân hàng mới của tư nhân được cấp giấy phép hoạt động và tổng số tiền ký thác ngân hàng tăng vọt từ 10 tỉ USD lên đến 30 tỉ USD. Với tiền ngân hàng cho vay thừa thãi, các hoạt động kinh tế tư nhân lại càng bốc lên như điều gặp gió.

Tuy nhiên, nhược điểm của chính sách này là ở chỗ trong khi rất cần thận trọng việc vay mượn để tài trợ các công trình quốc gia thì hầu như Chính phủ Indonesia lại quá thả lỏng trong việc quản lý các công ty tư nhân vay nợ nước ngoài. Có thể là chính phủ đã nghĩ rằng càng vay nước ngoài được nhiều chừng nào thì càng tốt cho đất nước chừng này và cứ để mặc cho các công ty tư nhân mạnh ai nấy vay. Do đó hầu hết các món nợ này đều do các công ty tư nhân của Indonesia thương lượng trực tiếp với các

ngân hàng nước ngoài mà chính Ngân hàng Trung ương cũng không biết đến. Và như đã nói trên thì từ đó chính phủ cũng không có những con số chính xác về số nợ nước ngoài của mình ! Với sự thiếu thông tin, trong khoảng thời gian này rất nhiều tin đồn thất thiệt đã lan truyền khiến dân chúng hoang mang và tranh nhau rút tiền ra khỏi ngân hàng để mua đô-la Mỹ. Để trấn an, chính phủ cho phát động rầm rộ chương trình “Hãy yêu đồng rupiah” và đài truyền hình liên tục phát hình ảnh những nhân vật quan trọng trong chính quyền mang đô-la Mỹ ra ngân hàng đổi lấy tiền rupiah. Tuy nhiên dân chúng tỏ ra mỉa mai và nghi ngờ về dụng ý của chính phủ. Tại khắp các thành phố lớn mọi người tiếp tục đổ xô đi mua trữ các nhu yếu phẩm vì sợ giá cả sẽ gia tăng khi đồng rupiah trượt giá.

Ngày 8-10-1997, Chính phủ Indonesia quyết định theo gót Thái Lan và Hàn Quốc yêu cầu IMF “trợ giúp kỹ thuật”. Tổng thống Suharto trấn an mọi người rằng Indonesia đã có những biện pháp riêng để cứu vãn nền kinh tế và chỉ nhờ IMF cho ý kiến về những chương trình ấy chứ thực sự thì Indonesia không cần tiền của IMF. Nói thì vậy nhưng chính Tổng thống Suharto cũng đã nhận thức rằng Indonesia thực sự chưa đủ nội lực để bước vào thị trường thế giới. Ông nói : “ Chúng ta hãy lấy cái kinh nghiệm đắng cay này làm bài học để tiếp tục công việc xây dựng đất nước. Chúng ta cần phải cố gắng nâng cao hiệu năng quốc gia (national efficiency) bởi vì chỉ với sức mạnh đó ta mới có thể mở cửa rộng hơn và hòa nhập vào nền kinh tế thế giới”.

**Và thiếu thông tin kinh tế**

Để tìm hiểu về số nợ nước ngoài, chính phủ cho thành lập Ủy ban Thanh toán nợ nước ngoài do ông RADIUS Prawiro làm Chủ tịch. Tuy nhiên mãi đến đầu tháng 2-1998, sau hơn sáu tháng làm việc thì ủy ban này mới công bố kết quả chính thức của cuộc nghiên cứu - xác định một điều mà hầu như mọi người đã đoán trước. Theo báo cáo này thì tổng số nợ nước ngoài của Indonesia là 137,42 tỉ USD trong đó có 63,46 tỉ USD là nợ của chính phủ. Phần 73,96 tỉ USD còn lại là nợ của các công ty tư nhân, tuy nhiên trong đó chỉ có 23,07 tỉ USD là nợ của các công ty Indonesia và gần 51 tỉ USD là nợ vay bởi các công ty liên doanh hoặc công ty nước ngoài tại Indonesia. Đây thực sự là một tin mừng rất lớn cho Indonesia, chỉ tiếc rằng nếu thông tin quan trọng này được công bố

sớm hơn vài tháng thì tình hình có lẽ đã biến chuyển khác hơn. Tuy nhiên sau khi đồng rupiah đã bị tấn công tan tác thì giờ đây chính phủ có tuyên bố gì cũng chẳng còn ai tin cả. Có nhiều tin đồn lại cho rằng tổng số nợ nước ngoài của Indonesia thực sự có thể lên tới 200 tỉ USD bởi vì nhiều món nợ đã không được ghi trong bản báo cáo đó ! Chưa hết, sau khi bổ nhiệm thống đốc mới, đến ngày 31-3 thì Ngân hàng Trung ương lại cho công bố một loạt những con số hơi khác về tổng số nợ nước ngoài ! Lại một lần nữa mọi người đều bối rối và tự hỏi tại sao nhà nước lại có thể “tính toán lăm” con số nợ quốc gia như thế được ?

Việc Indonesia sau đó đành chọn con đường “câu viện” IMF trong khi nước láng giềng Malaysia quyết định tự cứu lấy mình là một vấn đề sẽ bàn tới trong một dịp khác. Chỉ biết rằng công trình hơn 30 năm xây dựng kinh tế của Indonesia đã sụp đổ trong thoáng chốc. Mức tăng trưởng kinh tế từ 8 % đã tụt xuống... âm 15 %. và lợi tức bình quân của Indonesia đã từ 1.000 USD đổ xuống dưới 300 USD.

Đến khi cơ cấu kinh tế sụp đổ thì chuyện đã quá trễ. Làm sao để tránh cho khỏi đổ vỡ mới là điều quan trọng. Vấn đề quản lý việc vay nợ nước ngoài của các công ty tư nhân là một điều cần lưu ý. Về điểm này ta có thể nhìn vào Philippines. Từ cuối thập niên 1970, khi nền kinh tế Philippines bắt đầu cất cánh và các tập đoàn tư nhân bắt đầu vươn ra thị trường quốc tế để vay mượn thì Chính phủ Philippines đã kiểm soát khá chặt chẽ. Không những thế hàng năm Ngân hàng Trung ương Philippines thường đi vay những số nợ cực kỳ lớn, lên đến hàng tỉ đô-la Mỹ, gọi là Jumbo Loan, để rồi cho các công ty trong nước vay lại từ số tiền đó. Nhờ vay qua một cửa như vậy nên lãi suất ngân hàng luôn thấp hơn là

nếu để cho các công ty tư nhân tự đi vay lấy, bớt được thất thoát ngoại tệ. Và điều lợi thứ hai nữa là lịch trình trả nợ được phân phối đều hơn, phù hợp với khả năng thanh toán của các công ty đi vay.

Riêng về mặt thông tin kinh tế, khi gặp hỏa mù thì cách hay nhất để trấn an thị trường là cần có nhiều thông tin và càng rõ chừng nào càng tốt chừng nấy. Nếu tự mình không thuyết phục được thì cách hay nhất là để cho chuyên gia nước ngoài làm công việc này. Đó chính là phương sách mà Malaysia đã áp dụng. Ngày 10-9 vừa qua, Thủ tướng Mahathir đã chính thức công bố việc chọn Công ty Salomon Smith Barney (SSB), một trong những tập đoàn tài chính lớn nhất tại Mỹ, làm cố vấn cho Malaysia về việc sửa đổi lại hệ thống ngân hàng và lập chương trình giúp họ ra khỏi cuộc khủng hoảng tài chính. Chỉ bốn ngày sau đó, Công ty SSB đã cho phát hành một tập tài liệu 17 trang với đầy đủ số liệu kể cả nợ nước ngoài, ngắn hạn và dài hạn. SSB cho biết trong trường hợp cực kỳ khó khăn nhất thì Malaysia cũng có đủ khả năng trả hết số nợ nước ngoài đáo hạn trong năm tới và đồng thời họ tuyên bố rằng nền kinh tế Malaysia có thể sẽ vượt qua trở ngại và tăng trưởng trở lại trong vòng 12 tháng tới.

Tuy nhiên tốt hơn hết là nên cung cấp những thông tin này đều đặn ngay từ đầu chứ đừng chờ cho đến khi “nước đến chân mới nhảy” thì đã quá muộn. Có như vậy mới giữ được lòng tin của mọi giới, từ người ký thác tiền tại ngân hàng, thương gia trong nước cho đến người đầu tư nước ngoài. Và như vậy mới tránh được những tin đồn thất thiệt làm mất lòng tin, yếu tố căn bản của mọi hoạt động tài chính và thương mại trên thế giới. Phòng bệnh hơn chữa bệnh. ■